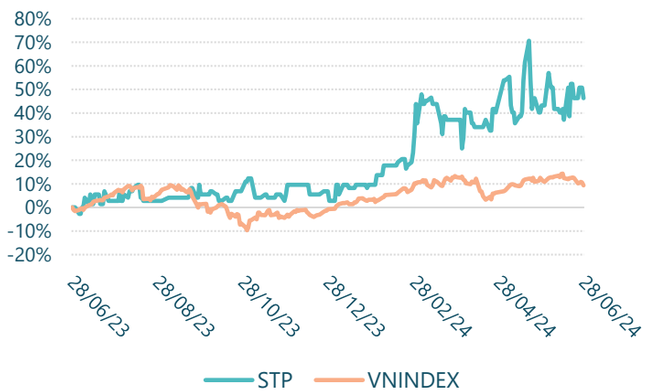
CTCP Công nghiệp Thương mại Sông Đà (HNX: STP)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	9,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-6.8%	**6.7%**	**36.9%**

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,383 - 11,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	77
Số lượng CPLH (CP)	8,022,063
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,090
Sở hữu nước ngoài	1.0%
Beta	0.10
EPS	827
P/E	11.6

Tỷ suất lợi nhuận



Doanh thu thuần

Q2/24

57.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 12.8 | 28.5%

YoY: ▲ 7.30 | 14.5%

Nợ/VCSH

Q2/24

20.6%

YoY: +/-▼ 9.4%

LN gộp

Q2/24

6.49

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.69 | -9.7%

YoY: ▲ 1.89 | 41.0%

ROE (TTM)

Q2/24

4.8%

YoY: +/-▼ 1.6%

LN trước thuế

Q2/24

0.60

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.16 | -83.9%

YoY: ▼2.88 | -82.6%

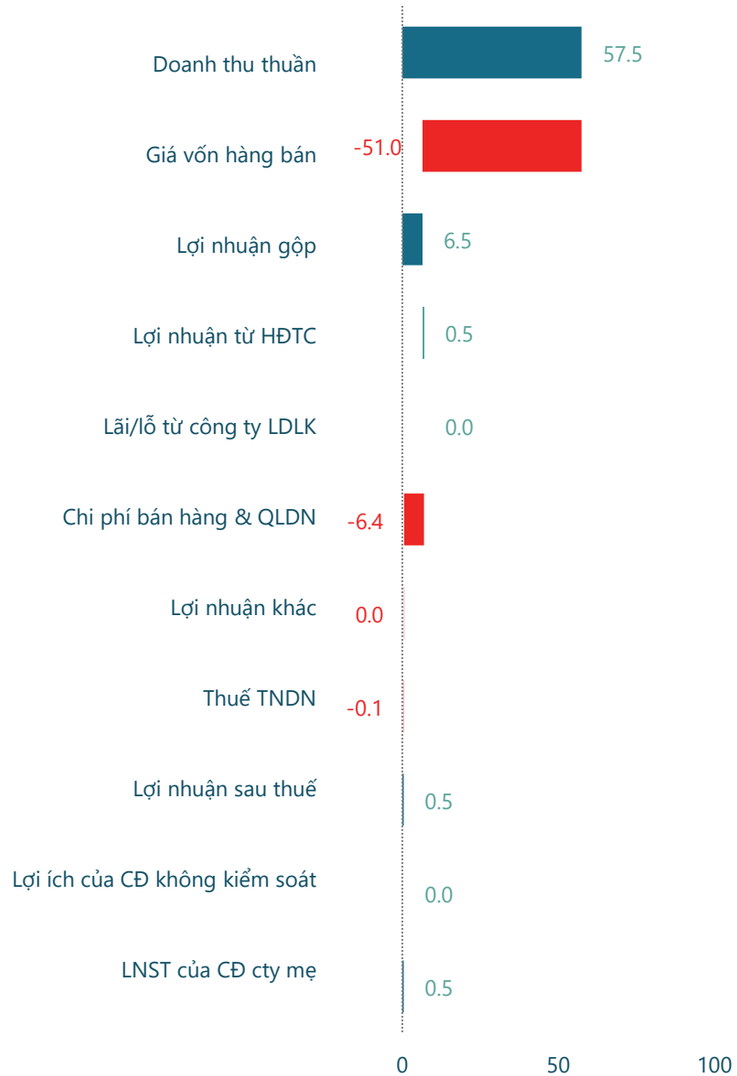
ROA (TTM)

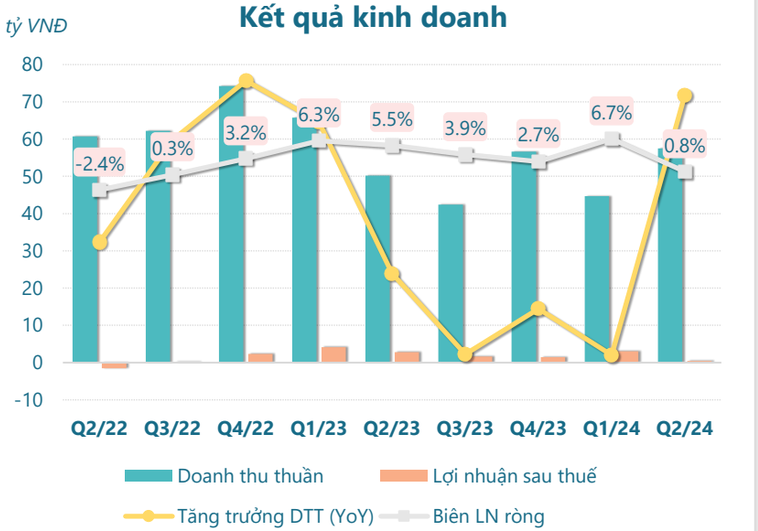
Q2/24

3.8%

YoY: +/-▼ 1.0%

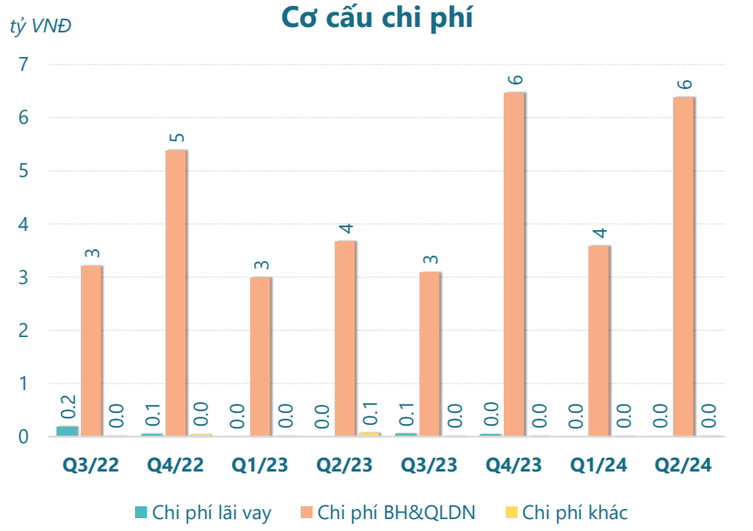
Kết quả kinh doanh Q2/24





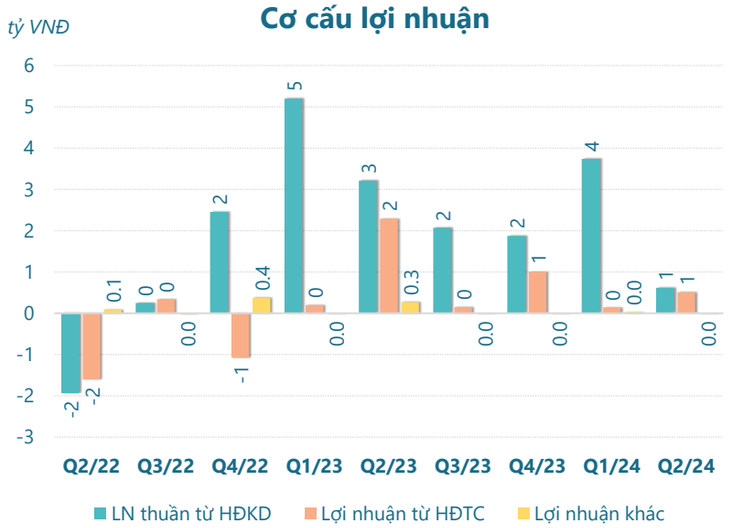
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 0.61 tỷ đồng**, giảm đi 83.6% so với kỳ trước và thấp hơn 81.0% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 0.51 tỷ đồng**, tăng thêm 264% so với kỳ trước và thấp hơn 77.7% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.01 tỷ đồng** giảm đi 150% so với kỳ trước và thấp hơn 104% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **STP** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **57.46 tỷ đồng** tăng thêm **14.5%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 0.48 tỷ đồng**, **giảm sút 82.7%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **102.0 tỷ đồng** thấp hơn 12.1% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 3.00 tỷ đồng** thấp hơn 57.1% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.01 tỷ đồng** tăng thêm 0.01 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 0.01 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **6.38 tỷ đồng** tăng thêm 77.7% so với kỳ trước và cao hơn 73.4% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.01 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và thấp hơn 85.7% so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Công nghiệp Thương mại Sông Đà (HNX: STP)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**57.5**	**44.7**	**28.5%**	**50.2**	**14.5%**	**102**	**116**	**-11.9%**
Giá vốn hàng bán	51.0	37.5	35.9%	45.6	11.8%	88.5	103	-14.3%
Lợi nhuận gộp	6.49	7.18	-9.7%	4.60	41.0%	13.7	12.6	8.5%
Doanh thu HĐTC	0.70	0.23	204%	0.86	-18.6%	0.93	1.10	-15.7%
Chi phí TC	0.19	0.08	135%	-1.43	113%	0.27	-1.39	120%
Chi phí lãi vay	0.01	0.00		0.00		0.01	0.00	241%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.23	1.13	9.0%	0.89	38.4%	2.36	1.82	29.2%
Chi phí QLDN	**5.15**	**2.46**	**109%**	**2.79**	**84.7%**	**7.61**	**4.85**	**57.1%**
LN thuần từ HĐKD	0.61	3.73	-83.5%	3.21	-80.9%	4.35	8.41	-48.3%
Lợi nhuận khác	**-0.01**	**0.02**	**-151%**	**0.27**	**-104%**	**0.01**	**0.26**	**-94.4%**
LN trước thuế	0.60	3.76	-83.9%	3.48	-82.6%	4.36	8.67	-49.7%
Lợi nhuận sau thuế	**0.48**	**3.01**	**-84.0%**	**2.78**	**-82.7%**	**3.49**	**6.95**	**-49.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.48**	**3.01**	**-84.0%**	**2.78**	**-82.7%**	**3.49**	**6.95**	**-49.8%**

